

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 9 - 24 |

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 ngày 6 tháng 9 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

| | | |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Việt Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019 |
| Ông Preben Hjortlund | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Ngọc Cương | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Thanh Dương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2019 |
| | | Bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Lan | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2019 |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Việt Sơn | Tổng Giám đốc | |
| Ông Trần Phi Hạnh | Phó Tổng giám đốc | Miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2020 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|----------------------|-------------------------------------|
| Bà Trần Thị Quỳnh Giang | Trưởng Ban Kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2019 |
| Ông Vũ Hoài Dương | Trưởng Ban Kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2019 |
| Ông Lê Đức Đông | Thành viên | |
| Bà Trần Thị Phan Thủy | Thành viên | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 3 tháng 9 năm 2019 là Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ; từ ngày 4 tháng 9 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Việt Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 8 tháng 4 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.


Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

Số tham chiếu: 61422288/21041998-2019-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) được lập ngày 8 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 22.593.022.107 | 16.549.724.574 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 2.591.473.265 | 1.175.356.493 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.591.473.265 | 1.175.356.493 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 19.793.634.755 | 15.237.611.296 |
| 132 | 1. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 22.000.000 | - |
| 135 | 2. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | - | 4.480.000.000 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 5 | 19.771.634.755 | 10.757.611.296 |
| 150 | III. Tài sản ngắn hạn khác | | 207.914.087 | 136.756.785 |
| 152 | 1. Thuế GTGT được khấu trừ | | 207.914.087 | 136.756.785 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 111.917.524.555 | 118.096.445.805 |
| 250 | I. Đầu tư tài chính dài hạn | 6 | 111.896.445.805 | 118.096.445.805 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | 6.1 | 15.971.445.805 | 15.971.445.805 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 6.2 | 95.925.000.000 | 102.125.000.000 |
| 260 | II. Tài sản dài hạn khác | | 21.078.750 | - |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 21.078.750 | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 134.510.546.662 | 134.646.170.379 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 683.436.861 | 780.183.776 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 683.436.861 | 780.183.776 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | - | 322.109.000 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 7 | 302.467.298 | 35.142.830 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 1.962.340 | - |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 8 | 238.998.000 | 190.000.000 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 9 | 140.009.223 | 232.931.946 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 133.827.109.801 | 133.865.986.603 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 10 | 133.827.109.801 | 133.865.986.603 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần đã phát hành | | 133.000.000.000 | 133.000.000.000 |
| 411 | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 133.000.000.000 | 133.000.000.000 |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 827.109.801 | 865.986.603 |
| 421a | - Lũy kế đến cuối năm trước | | - | (738.714.900) |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 827.109.801 | 1.604.701.503 |
| 430 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 134.510.546.662 | 134.646.170.379 |

Vũ Ngọc Sơn
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | | - | - |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 11 | 20.287.104.204 | 3.177.410.473 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | | - | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12 | (4.365.981.006) | (1.572.708.970) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 15.921.123.198 | 1.604.701.503 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | - | - |
| 32 | 12. Chi phí khác | | - | - |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | - | - |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 15.921.123.198 | 1.604.701.503 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 13.1 | - | - |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế | | 15.921.123.198 | 1.604.701.503 |



Vũ Ngọc Sơn
Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 15.921.123.198 | 1.604.701.503 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 11 | (20.287.104.204) | (3.177.410.473) |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (4.365.981.006) | (1.572.708.970) |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | | 4.870.593.998 | 1.713.295.686 |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | | (366.355.356) | 749.215.176 |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | (21.078.750) | 9.242.161 |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | | 117.178.886 | 899.044.053 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 4.480.000.000 | 800.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác | | (58.800.000.000) | (103.625.000.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 67.450.000.000 | 7.150.000.000 |
| 27 | Lãi tiền gửi và cổ tức được chia | | 3.859.329.445 | 844.002.090 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 16.989.329.445 | (94.830.997.910) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | | - | 95.000.000.000 |
| 36 | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | | (15.690.391.559) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính | | (15.690.391.559) | 95.000.000.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 1.416.116.772 | 1.068.046.143 |
| 60 | Tiền đầu năm | | 1.175.356.493 | 107.310.350 |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 2.591.473.265 | 1.175.356.493 |


Vũ Ngọc Sơn
Người lập biểu


Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 8 tháng 4 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 ngày 6 tháng 9 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, số 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 5 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Trụ sở chính | Hoạt động chính |
|-----|---|----------------------|-------------------|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property | 99% | 99% | Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading | 51% | 51% | Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại |
| 3 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean | 94,75% | 94,75% | Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội | Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp |
| 4 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | 99,5% | 99,5% | Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ bảo vệ |
| 5 | Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE | 100% | 100% | Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ bảo vệ |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 6. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 8 tháng 4 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) ; và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc đầu tư tài chính, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4. TIỀN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--------------------|-------------------------|----------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Tiền mặt | 337.500.000 | 337.500.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.253.973.265 | 837.856.493 |
| TỔNG CỘNG | 2.591.473.265 | 1.175.356.493 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|-----------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức | - | 5.000.000.000 |
| Phải thu về chuyển nhượng cổ phần | - | 2.450.000.000 |
| Phải thu lãi cho vay | 375.066.667 | 1.171.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 45.572.900 | 22.669.580 |
| Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 14) | 19.350.995.188 | 2.113.941.716 |
| TỔNG CỘNG | 19.771.634.755 | 10.757.611.296 |

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Đơn vị tính: VND |
|--------------------------------|------------------------|----------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | |
| Đầu tư vào công ty con | 15.971.445.805 | - | 15.971.445.805 | 15.971.445.805 | 15.971.445.805 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 95.925.000.000 | - | 95.925.000.000 | 102.125.000.000 | 102.125.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 111.896.445.805 | - | 111.896.445.805 | 118.096.445.805 | 118.096.445.805 |

6.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| Đơn vị | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Đơn vị tính: VND |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị ghi sổ (*) | Giá gốc | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property | 4.993.945.805 | - | 4.993.945.805 | 4.993.945.805 | 4.993.945.805 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading | 2.550.000.000 | - | 2.550.000.000 | 2.550.000.000 | 2.550.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean | 4.737.500.000 | - | 4.737.500.000 | 4.737.500.000 | 4.737.500.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | 1.690.000.000 | - | 1.690.000.000 | 1.690.000.000 | 1.690.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 15.971.445.805 | - | 15.971.445.805 | 15.971.445.805 | 15.971.445.805 |

(*) Phần vốn đầu tư/cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại các công ty này.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

6.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con như sau:

| Tên đơn vị | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|
| | Tỷ lệ vốn nắm giữ (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ vốn nắm giữ (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property | 99% | 99% | 99% | 99% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading | 51% | 51% | 51% | 51% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean | 94,75% | 94,75% | 94,75% | 94,75% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | 99,5% | 99,5% | 99,5% | 99,5% |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE | 100% | 100% | 100% | 100% |

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Đơn vị | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Đơn vị tính: VND |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh (i) | 44.400.000.000 | - | 44.400.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần AAC Việt Nam (ii) | 37.125.000.000 | - | 37.125.000.000 | - | 37.125.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (iii) | 14.400.000.000 | - | 14.400.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh (iv) | - | - | - | - | 65.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 95.925.000.000 | - | 95.925.000.000 | - | 102.125.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 0411/2019/NQ-HĐQT vào ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng 4.440.000 cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu), tương ứng với 44,4 tỷ VND tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam. Công ty này hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2901953072 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2018 và có trụ sở chính tại Tòa nhà Bưu điện tỉnh Nghệ An, số 2, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- (ii) Công ty Cổ phần AAC Việt Nam hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102526578 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 11 năm 2017 và có trụ sở chính tại số 4, Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty này đang trong quá trình triển khai thực hiện Dự Án Việt Yên Central Park – Thị Trấn Bích Động với tổng vốn đầu tư dự kiến là 232 tỷ VND.
- (iii) Theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTV ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp với tổng giá trị là 14,4 tỷ VND tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức từ Công ty Cổ phần Thương Mại Quảng Cáo Xây Dựng Địa Ốc Việt Hàn. Công ty này hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2500222438 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 8 năm 2003 và có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- (iv) Theo Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐQT ban hành ngày 30 tháng 10 năm 2019, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh cho Công ty Cổ phần Bất động sản Bạch Đằng, với mức giá chuyển nhượng là 65 tỷ đồng VND.

Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty này như sau:

| Tên đơn vị | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|
| | Tỷ lệ vốn năm giữ (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ vốn năm giữ (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh | 8,00% | 8,00% | - | - |
| Công ty Cổ phần AAC Việt Nam (*) | 8,00% | 8,00% | 12,37% | 12,37% |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức | 9,00% | 9,00% | - | - |
| Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh | - | - | 9,09% | 9,09% |

(*) Ngày 10 tháng 10 năm 2019, Công ty Cổ phần AAC Việt Nam phát hành thêm 1.500.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và theo đó tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ VND lên 450 tỷ VND theo Giấy Chứng nhận Đầu tư thay đổi lần thứ 20. Theo đó, tỷ lệ vốn năm giữ và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần AAC Việt Nam giảm xuống còn 8% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Do chưa có đủ thông tin cần thiết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|---------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|
| | <i>Số đầu năm</i> | <i>Số phải nộp trong năm</i> | <i>Số đã nộp trong năm</i> | <i>Số cuối năm</i> |
| Thuế thu nhập cá nhân | 35.142.830 | 533.657.915 | (266.333.447) | 302.467.298 |
| Các loại thuế và phí khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| TỔNG CỘNG | 35.142.830 | 536.657.915 | (269.333.447) | 302.467.298 |

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------|-------------------------|--------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Dịch vụ chuyên nghiệp | 220.000.000 | 190.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 18.998.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 238.998.000 | 190.000.000 |

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|--------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | 216.615.255 |
| Cổ tức phải trả | 110.008.441 | - |
| Các khoản phải trả khác | 30.000.782 | 16.316.691 |
| TỔNG CỘNG | 140.009.223 | 232.931.946 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn cổ phần đã phát hành | (Lỗi lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|-----------------------|-----------------------------|--|------------------------|
| Năm trước | | | |
| Số đầu năm | 38.000.000.000 | (738.714.900) | 37.261.285.100 |
| - Tăng vốn trong năm | 95.000.000.000 | - | 95.000.000.000 |
| - Lợi nhuận trong năm | - | 1.604.701.503 | 1.604.701.503 |
| Số cuối năm | <u>133.000.000.000</u> | <u>865.986.603</u> | <u>133.865.986.603</u> |
| Năm nay | | | |
| Số đầu năm | 133.000.000.000 | 865.986.603 | 133.865.986.603 |
| - Chi trả cổ tức (*) | - | (15.960.000.000) | (15.960.000.000) |
| - Lợi nhuận trong năm | - | 15.921.123.198 | 15.921.123.198 |
| Số cuối năm | <u>133.000.000.000</u> | <u>827.109.801</u> | <u>133.827.109.801</u> |

(*) Theo Nghị quyết số 34/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 9 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 12% trên mệnh giá (1.200 đồng/cổ phiếu) tương ứng với 15.960.000.000 VND.

10.2 Vốn cổ phần đã góp

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | VND | % | VND | % |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm | 106.400.000.000 | 80% | 106.400.000.000 | 80% |
| Nguyễn Thị Thanh Hương | 6.210.000.000 | 4,67% | 6.210.000.000 | 4,67% |
| Hà Thị Bích Hạnh | 6.210.000.000 | 4,67% | 6.210.000.000 | 4,67% |
| Trần Việt Hương | 6.200.000.000 | 4,66% | 6.200.000.000 | 4,66% |
| Nguyễn Đức Phương | 5.861.700.000 | 4,41% | 6.078.000.000 | 4,57% |
| Các cổ đông khác | 2.118.300.000 | 1,59% | 1.902.000.000 | 1,43% |
| TỔNG CỘNG | <u>133.000.000.000</u> | <u>100%</u> | <u>133.000.000.000</u> | <u>100%</u> |

10.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn cổ phần đã góp | | |
| Số đầu năm | 133.000.000.000 | 38.000.000.000 |
| Tăng vốn trong năm | - | 95.000.000.000 |
| Số cuối năm | <u>133.000.000.000</u> | <u>133.000.000.000</u> |
| Cổ tức đã chia | 15.960.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

10.4 Cổ tức

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm | 15.960.000.000 | - |
| <i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i> | | |
| Cổ tức cho năm 2019: 1.200 VND/cổ phiếu | 15.960.000.000 | - |
| Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | |
| <i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |

10.5 Cổ phiếu

| | <i>Số cuối năm</i> | | <i>Số đầu năm</i> | |
|--------------------------------------|--------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| | <i>Số lượng</i> | <i>Giá trị VND</i> | <i>Số lượng</i> | <i>Giá trị VND</i> |
| Cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.300.000 | 133.000.000.000 | 13.300.000 | 133.000.000.000 |
| Cổ phiếu đã bán ra công chúng | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 13.300.000 | 133.000.000.000 | 13.300.000 | 133.000.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - | - |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 13.300.000 | 133.000.000.000 | 13.300.000 | 133.000.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|------------------|-------------------------|----------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Cổ tức được chia | 20.064.813.472 | 2.866.854.459 |
| Lãi cho vay | 218.369.445 | 309.466.667 |
| Lãi tiền gửi | 3.921.287 | 1.089.347 |
| TỔNG CỘNG | 20.287.104.204 | 3.177.410.473 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Chi phí nhân công | 3.420.544.748 | 272.347.781 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 9.601.250 | 14.418.525 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 602.916.067 | 1.007.203.039 |
| Chi phí khác | 329.918.941 | 275.739.625 |
| TỔNG CỘNG | <u>4.365.981.006</u> | <u>1.572.708.970</u> |

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm 2019 là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2018: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|----------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Tổng lợi nhuận thuần kế toán trước thuế | 15.921.123.198 | 1.604.701.503 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 3.184.224.640 | 320.940.301 |
| <i>Các khoản điều chỉnh</i> | | |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | (4.012.962.694) | (573.370.892) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho lỗ tính thuế | 828.738.054 | 252.430.591 |
| Chi phí thuế TNDN | <u>-</u> | <u>-</u> |

13.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

13.3 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (*) | Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019 | Không được chuyển lỗ | Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019 |
|------------------|--------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------------------|
| 2015 | 2020 | 869.759.293 | - | - | 869.759.293 |
| 2018 | 2023 | 1.262.152.956 | - | - | 1.262.152.956 |
| 2019 | 2024 | 4.143.690.275 | - | - | 4.143.690.275 |
| TỔNG CỘNG | | 6.275.602.524 | - | - | 6.275.602.524 |

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|--------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh | Đầu tư khác | Đầu tư góp vốn | - | 65.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần AAC Việt Nam | Đầu tư khác | Đầu tư góp vốn | - | 37.125.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One | Công ty con | Đầu tư góp vốn vào công ty con | - | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con | Cổ tức được chia | 2.244.813.472 | 2.023.941.716 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property | Công ty con | Cổ tức được chia | 17.820.000.000 | 842.912.743 |
| Công ty Cổ Phần Thương Mại Quảng Cáo Xây Dựng Địa Ốc Việt Hân | Bên liên quan khác | Nhận chuyển nhượng vốn góp | 14.400.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không tính lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2018: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | | |
|---|--------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------|
| <i>Bên có liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 5)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con | Cổ tức phải thu | 2.358.755.188 | 2.113.941.716 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property | Công ty con | Cổ tức phải thu | 16.992.240.000 | - |
| | | | 19.350.995.188 | 2.113.941.716 |

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

| <i>Đơn vị tính: VND</i> | | |
|--|----------------------|--------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và lương thưởng của Ban Giám đốc | 1.212.262.938 | 812.023.731 |
| TỔNG CỘNG | 1.212.262.938 | 812.023.731 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Ngọc Sơn
Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020